TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THANH TRÌ** THÀNH PHỐ HÀ NỘI	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 94/QĐST-HNGĐ	*Thanh Trì, ngày 23 tháng 3 năm 2020*

QUYẾT ĐỊNH

CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 137/2020/TLST- HNGĐ ngày 02 tháng 3 năm 2020, giữa:

Nguyên đơn: chị Bùi Thị Minh T sinh năm 1975

Trú tại: Xóm Đình, thôn Triều Khúc, xã Tân Triều, huyện Thanh Trì, T.p Hà Nội.

Bị đơn: anh Triệu Đình N sinh năm 1975

Trú tại: Xóm Đình, thôn Triều Khúc, xã Tân Triều, huyện Thanh Trì, T.p Hà Nội.

Căn cứ vào Điều 147; 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55; 58; 81; 82; 83 - Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào điểm a, khoản 5, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về "mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án";

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 13 tháng 3 năm 2020.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 13 tháng 3 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:

chị **Bùi Thị Minh T** và anh **Triệu Đình N**

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về con chung: anh chị xác nhận có 02 con chung là cháu Triệu Vân K, sinh ngày 02/9/1998 và cháu Triệu Đình N, sinh ngày 04/10/2004. Chị T và anh N thỏa thuận giao cháu N cho anh N (là bố đẻ) trực tiếp nuôi dưỡng, anh N không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con chung nên không xem xét. Cháu K đã đủ tuổi trưởng

thành nên việc ở với ai do cháu tự quyết định, không yêu cầu Tòa xem xét, giải quyết. Chị T có quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

- Về tài sản chung và nhà đất chung: anh N và chị T tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

- Về công nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

- Về án phí: chị Bùi Thị Minh T tự nguyện chịu cả 150.000đ án phí LHST, được trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí chị T đã nộp tại biên lai số AA/2017/06532 ngày 02/3/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Trì. Trả lại chị T số tiền 150.000 đồng.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm./.

Nơi nhận:
- *VKSND huyện Thanh Trì;*
- *Các đương sự;*
- *UBND xã Tân Triều;*
- *Lưu HS;*

Thẩm phán

Bùi Anh Tuấn